

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/DSPT
Ngày: 04/03/2025
V/v: “Yêu cầu chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Thư

Các thẩm phán: Ông Bùi Hoàng Ngọc Tùng; Bà Trần Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Bảo Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự thụ lý 46/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024, do có kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Sơn H đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DSST, ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2025/QĐXX-PT ngày 09/01/2025, Quyết định hoãn số 12/2025/QĐ-PT ngày 23/01/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐ-PT ngày 20/02/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1961; Trú tại: Xóm Y, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Đình L và luật sư Võ Thị T thuộc Công ty L6; địa chỉ: E L, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt Luật sư bà Võ Thị T).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Sơn H, sinh năm: 1952; Địa chỉ: Xóm Y, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Đức Đ thuộc Văn phòng L7; địa chỉ: Số A, đường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Vắng mặt);

2. Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nam V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C,

tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Xóm Y, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

4. Ông Nguyễn Sỹ L1, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Xóm Y, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

5. Bà Võ Thị M, sinh năm: 1955; Địa chỉ: Xóm Y, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

6. Chị Nguyễn Thị V1, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Xóm Y, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Thái Văn D1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Xóm L, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt);

2. Ông Thái Văn L2, sinh năm: 1959; Địa chỉ: Xóm L, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt);

3. Ông Võ T2, sinh năm: 1950; Địa chỉ: Xóm L, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt);

4. Bà Trần Thị L3, sinh năm: 1957; Địa chỉ: Xóm L, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DSST, ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, tại phiên toà sơ thẩm và tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn Ứ (tên thường gọi là Nguyễn Hà L4), sinh năm 1926, chết năm 1998 và cụ Lê Thị D2 (tên thường gọi là cô L4), sinh năm 1924, chết năm 2017 để lại di sản thừa kế là thửa đất số 377, tờ bản đồ số 09 tại xóm L, xã T, huyện C (sau đây gọi tắt là thửa đất số 377).

Cụ Ứ chết đột ngột không để lại di chúc, còn cụ D2 làm di chúc vào ngày 18/7/2007 chia vườn cho 03 con và có tâm nguyện xây lăng mộ hai ông bà trên thửa đất đó tuy nhiên di chúc chưa được công bố.

Tháng 10/2016, con trai ông E là Nguyễn Sỹ L1 từ miền N trở về, chưa có đất sinh sống nên ông Nguyễn Sơn H đã đồng ý cho cháu L1 lên đất của ông bà xây dựng nhà ở, làm vườn, chăn nuôi. Cuối năm 2019, ông Nguyễn Sơn H đã yêu cầu Nguyễn Sỹ L1 tháo dỡ toàn bộ nhà cửa đã xây dựng trên đất để trả lại đất cho ông H. UBND xã T đã tiến hành hoà giải nhưng không tìm được tiếng nói chung nên ông Nguyễn Văn E đề nghị Toà án chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 377.

Tại phiên tòa, ông E đề nghị Toà án trích một phần đất bao quanh ngôi mộ của cụ Ú, cụ D2 để làm nơi thờ cúng bố mẹ, giao phần đất ông H đang trồng cây cho ông H tiếp tục sử dụng, giao phần đất có phần nhà, chuồng trại do L1 xây dựng cho ông E và giao phần còn lại cho bà T1 sử dụng.

Đối với các tài sản trên đất, ông E tự xác định được, nếu ông H muốn thu hoạch các cây của cụ D2 trồng thì ông E chấp nhận và sẽ tự thực hiện với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo bản tự khai và các biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Sơn H đã trình bày:

Thửa đất 377 không phải là di sản thừa kế của bố mẹ mà là tài sản chung của ông H và vợ (bà Võ Thị M) đã được UBND huyện C cấp quyền sử dụng tại sổ lâm bạ ngày 15/4/1994. Sổ lâm bạ của ông do UBND huyện cấp, có chữ ký của Trưởng phòng nông lâm và đóng dấu đỏ của Ban Nông Lâm, tương tự như sổ lâm bạ của ông Lê Sỹ B nên có giá trị. Do đó, ông H không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn.

Về việc cho anh Nguyễn Sỹ L1 làm nhà trên thửa đất số 377, ông Nguyễn Sơn H thừa nhận vào năm 2016 ông H đồng ý cho anh L1 sử dụng một phần đất theo sự chỉ dẫn của ông làm nhà để ở, với điều kiện khuôn viên cũ của ông bà đã từng ở phải để nguyên cho anh T3 (con trai trưởng của ông H). Ông H có đến xem thợ làm nhà và làm giúp một số công. Tuy nhiên, đến năm 2019 khi triển khai xây dựng nông thôn mới, Lý khai thác đất đi bán, ông H đã nhắc nhở can ngăn nhiều lần nhưng anh L1 không nghe nên đã xảy ra tranh cãi. Vì vậy ông H đã yêu cầu anh L1 trả lại đất để sử dụng đúng mục đích.

Tại phiên tòa, ông H trình bày thửa đất 377 được cụ Ú và cụ D2 sử dụng từ năm 1982 theo sự gợi ý của ông H. Trước năm 1982, cụ Ú và cụ D2 sinh sống cùng các con tại thửa đất tại xóm Y. Tuy nhiên, ông H thấy thửa đất 377 có tiềm năng nên gợi ý bố mẹ ra khai hoang, canh tác. Đến năm 1994 thì ông H xin làm hồ sơ cấp sổ lâm bạ mang tên ông H. Tuy nhiên, việc đóng dấu các khoản liên quan thì Ủy ban xã thông báo tên cụ D2 vì cụ D2 đang trực tiếp sinh sống ở đó. Còn thực tế thửa đất 377 là của ông H. Đối với thửa đất của cụ Ú, cụ D2 tạo lập, sinh sống trước đây là thửa đất tại xóm Y, hiện do vợ chồng ông H sử dụng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông H.

Đối với diện tích thửa đất, ông H trình bày: Ban đầu ông H được quyền sử dụng 6,7 ha đất nhưng trong quá trình sử dụng, bố mẹ ông đã cho hàng xóm lân cận. Theo đo đạc của ông vào năm 2001 thì tổng diện tích thửa đất khoảng 19.076 m². Ông chấp nhận với kết quả đo đạc do Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đo đạc theo thực tế hiện nay là 19.812,9 m².

Hiện nay ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ đồng ý cho anh Nguyễn Sỹ L1 sử dụng phần đất bao quanh ngôi nhà và 02

chuồng trại phía trước mà anh L1 đã xây, không đồng ý chia đất cho bà T1, ông E. Phần đất đi vào ngôi mộ của cha mẹ, ông H chấp nhận các con đều được quyền sử dụng, không cấm đoán ai.

Đối với các cây cối, tài sản khác trên đất, ông H tự xác định được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Võ Thị M (vợ ông Nguyễn Sơn H) thống nhất với ý kiến của ông H.

Bản bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn do ông Trần Đức Đ gửi cho Tòa án thể hiện: Phía nguyên đơn không thiện chí khi đề nghị không tiến hành hòa giải đối với vụ việc. Đối với thửa đất số 377 thì cụ L4 (Ứng), cụ D2 chưa có giấy tờ chứng minh, chưa có quyền sở hữu thửa đất nên không thể coi là di sản thừa kế để chia. Ngoài ra, chưa giám định hoặc không giám định được số lâm bạ của ông H thì vẫn coi thửa đất đó là của ông H theo sổ lâm bạ. Nguyên đơn nên rút đơn khởi kiện để về anh em bàn bạc thỏa thuận nếu có.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

- Thửa đất số 377 mà ông E yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là thửa đất của cha mẹ bà chứ không phải đất của ông H. Bà T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ban đầu, bà T1 yêu cầu được chia 1/3 diện tích, tuy nhiên do ông H đã trồng cây sinh trưởng ổn định nên bà đồng ý chia cho ông H phần đất đã trồng cây. Còn phần còn lại thì đề nghị Tòa án chia cho bà T1 và ông E. Bà T1 đồng ý giao phần đất có nhà, chuồng trại mà L1 đã xây cho ông E sử dụng.

Trên thửa đất này hiện nay không có tài sản của bà T1. Đối với số tài sản trên đất của cha mẹ để lại, nếu ông H có nguyện vọng khai thác số cây cụ D2 thì bà cho ông H khai thác, bà không tranh chấp về cây cối tài sản.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Sỹ L1 (con trai ông Nguyễn Văn E) trình bày:

Vào năm 2016, được sự nhất trí của ông Nguyễn Sơn H và ông Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Sỹ L1 làm nhà, xây chuồng và trồng cây ở phần đất phía Bắc còn ông H trồng cây ở phía Nam. Việc làm nhà có sự chứng kiến và giúp đỡ của ông H từ khi khởi công cho đến khi hoàn thiện. Vào tháng 7/2018, anh L1 tiến hành cải tạo vườn, đào giếng, cho xã lấy một phần đất làm nông thôn mới, tiến hành trồng cây, chăn nuôi. Thời điểm đó ông H không có ý kiến gì. Đến năm 2020, ông H gọi điện cho anh L1 yêu cầu anh Lý phá nhà, giao trả mặt bằng để ông trồng cây.

Nay anh L1 nhất trí giao toàn bộ tài sản của vợ chồng anh gồm một căn nhà cấp 4 xây năm 2016, 02 chuồng lợn, 01 chuồng bò đang nuôi 2 con bò, trồng 200 cây chuối ăn quả từ năm 2023, 100 cây mít trồng từ năm 2016, 15 cây xoài trồng từ năm 2016, 8 cây cóc từ năm 2016, còn khoảng 100 gốc sim, khoảng 800 gốc chè, 13 cây hồng, 6 cây bon bon, 01 giếng đào bê tông từ năm 2017 cho ông Nguyễn Văn E quản lý, sử dụng. Anh L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản của anh có trên thửa đất 377.

Chị Nguyễn Thị V1 (vợ anh Nguyễn Sỹ L1) thống nhất ý kiến với anh Nguyễn Sỹ L1.

Hạt Kiểm lâm huyện C xác nhận: Hiện nay Hạt Kiểm lâm không lưu trữ hồ sơ lâm bạ cấp ngày 15/10/1994 cho ông Nguyễn Sơn H, trú tại xóm Y, xã T. Thửa đất 377 nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng, cách quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp khoảng 330m, hiện do UBND xã T quản lý.

Tại các biên bản làm việc, Văn bản trả lời có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tại phiên toà UBND xã T trình bày:

Thửa đất số 377 có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Ú và bà Lê Thị D2 khai hoang sử dụng từ năm 1982, đến năm 1998 ông Nguyễn Văn Ú chết, bà Lê Thị D2 tiếp tục sử dụng canh tác trên thửa đất đó. Năm 2017, bà Lê Thị D2 chết, sau đó việc sử dụng đất do hộ gia đình ông Nguyễn Sơn H và ông Nguyễn Văn E tự thoả thuận và sử dụng. Theo hồ sơ lưu tại UBND xã (Số 05, bản đồ 299 và các hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân trên địa bàn được lưu trữ) thể hiện: Tại trang 74 của Sổ 05 giai đoạn 1995 – 1996 phản ánh: Ông Nguyễn H1 được sử dụng 4000m² đất tại vườn đồi Nhà Tiệc, vườn đồi nhà T4 chính là phần đất có thửa đất số 377 hiện nay.

Thửa đất số 377 hiện nay giáp ranh với thửa đất của anh Thái Văn D1, ông Thái Văn L2, anh Nguyễn Duy S, Nghĩa trang họ B1 và Nghĩa trang họ Võ. Từ trước đến nay không có tranh chấp về ranh giới giữa thửa đất số 377 và các hộ xung quanh.

Tại các Văn bản trả lời có trong hồ sơ vụ án, UBND huyện C trình bày:

- Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ, UBND huyện C không tìm thấy các hồ sơ giao đất và cấp sổ lâm bạ mang tên Nguyễn Sơn H. Qua làm việc với địa phương, hiện tại chưa xác định được nguồn gốc, ranh giới sử dụng đất lâm nghiệp theo sổ Lâm bạ đã cấp cho ông Nguyễn Sơn H nên chưa có căn cứ xác định thửa đất trên đã giao, cấp sổ Lâm bạ cho ông Nguyễn Sơn H.

- Quá trình công tác của Ngô Đức D3 tại huyện C như sau: nguyên Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện giai đoạn 1998-2007, nguyên Trưởng phòng Nông nghiệp giai đoạn 1995-1996; nguyên Chánh tra huyện giai đoạn 1996-1998. Sau năm 2007, ông Ngô Đức D3 chuyển công tác tại UBND huyện L.

- Do công tác lưu trữ, hiện không còn văn bản nào có chữ ký của ông Ngô Đức D3 đang lưu tại UBND huyện, chỉ tìm thấy mẫu chữ ký của ông D3 năm 2004 đang lưu tại kho lưu trữ của huyện.

- Ủy ban nhân dân huyện G Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xác minh tên gọi chính xác của “Ban Nông Lâm...” thời điểm 1994 và bộ máy lãnh đạo của Ban giai đoạn này. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu, trải qua nhiều thời kỳ lãnh đạo nên hiện nay, không có tài liệu nào thể hiện sự tồn tại của “Ban Nông Lâm...” thời điểm 1994 và bộ máy lãnh đạo của Ban giai đoạn này nên UBND huyện không có mẫu con dấu của Ban Nông Lâm để cung cấp cho Tòa

án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DSST, ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh đã Căn cứ Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn E. Xác định diện tích **19.812,9m²** đất trồng cây lâu năm tại thửa số 377, tờ bản đồ số 09 tại xóm L, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Ú và cụ Lê Thị D2.

2. Chia di sản thừa kế là thửa đất số 377 như sau:

- Ôn định phần đất nền mộ của cụ Ú và cụ D2 và mở một lối đi vào nền mộ với tổng diện tích là 197,7 m² ông Nguyễn Sơn H, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị T1 được **quyền sử dụng chung**. Phần diện tích 197,7m² được xác định cụ thể bởi các điểm gồm 15, 16, 17, 19, 20, 21, 22, 23, 24.

- Chia cho ông **Nguyễn Sơn H** được quyền sử dụng diện tích 9226.2 m² đất, được xác định cụ thể bởi các điểm gồm 24, 23, 22, 45, 44, 43, 42, 36, 35, 34, 33, 32, 31, 30, 29, 28.

- Chia cho ông **Nguyễn Văn E** được quyền sử dụng diện tích 6.276,7m², được xác định cụ thể bởi các điểm gồm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 40.

- Chia cho bà **Nguyễn Thị T1** được quyền sử dụng diện tích 4112, 3 m², được xác định cụ thể bởi các điểm gồm: 13, 14, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 45, 44, 43, 42, 36, 37, 38, 40.

Toạ độ các điểm góc đất được xác định cụ thể theo sơ đồ thửa đất kèm theo Bản án này.

3. Đối với tài sản trên thửa đất 377, các bên tự thoả thuận, thực hiện với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, bị đơn ông Nguyễn Sơn H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị M thống nhất quan điểm với nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị V1 đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác đã đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do không đủ căn cứ để xác định số lâm bạ có giả mạo hay không và nguyên đơn cũng không giữ yêu cầu huỷ số lâm bạ nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Tranh chấp về chia di sản thừa kế” là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26 BLTTDS và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn làm đúng theo quy định tại Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, kháng cáo trong thời hạn luật định, hợp lệ nên đủ điều kiện để xét xử theo trình thủ tục phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của một số đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn có mặt và không yêu cầu người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Sơn H, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện: Theo giấy chứng tử, Cụ Nguyễn Văn Ú chết năm 1998 và cụ Nguyễn Thị D4 chết năm 2017. Đến ngày 06 tháng 7 năm 2021, Nguyên đơn ông Nguyễn Văn E có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu chia di sản thừa kế bất động sản, là còn thời hiệu khởi kiện về thừa kế theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Về hàng thừa kế: Các đương sự đều khai thống nhất về diện thừa kế và hàng thừa kế di sản của cụ Ú và cụ D4 là 03 người con gồm ông Nguyễn Sơn H, ông Nguyễn Văn E và bà Nguyễn Thị T1, cụ Ú và cụ D4 không có con riêng hay con nuôi nào khác. Do đó, hàng thừa kế của cụ Ú và cụ D4 được xác định gồm: Ông Nguyễn Sơn H, ông Nguyễn Văn E và bà Nguyễn Thị T1.

[2.3] Về di sản thừa kế: Các đương sự thống nhất thừa đất số 377, tờ bản đồ số 09 tại xóm L, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh có nguồn gốc do cụ Ú và cụ D4

khai hoang, canh tác, sinh sống. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng năm 1994 thì ông xin làm hồ sơ cấp sổ lâm bạ mang tên ông và được UBND huyện cấp sổ lâm bạ, có chữ ký của Trưởng phòng nông lâm và đóng dấu đỏ của Ban N1 nên đây không phải di sản thừa kế mà là tài sản của vợ chồng ông. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân huyện C cũng như những người làm chứng đã cung cấp lời khai xác nhận: Thửa đất số 377 có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Ú và bà Lê Thị D2 khai hoang và bắt đầu trồng cây, canh tác sử dụng từ năm 1982, đến năm 1998 ông Nguyễn Văn Ú qua đời, bà Lê Thị D2 tiếp tục canh tác trên thửa đất đó. Đến năm 2017 bà Lê Thị D2 qua đời sau đó ông Nguyễn Sơn H và ông Nguyễn Văn E sử dụng đất và tạo lập các tài sản trên đất từ đó đến nay.

Sổ lâm bạ Nguyễn Sơn H do bị đơn xuất trình có nhiều điểm mâu thuẫn, người ký sổ không đủ thẩm quyền, sổ không có số, không ghi tên UBND huyện cấp sổ, Phần sổ mờ, bị mất dấu tên người ký, chức vụ người ký là Phòng NL (trên sổ viết tắt), con dấu thể hiện là con dấu của Ban N – L5 (Thẩm quyền ký Quyết định (Sổ lâm bạ) thuộc thẩm quyền của UBND huyện C (Chủ tịch hoặc PCT UBND khi được uỷ quyền) chứ không phải Trưởng phòng nông lâm) ... Tuy nhiên Hạt Kiểm lâm huyện C xác nhận không có hồ sơ lưu trữ đối với sổ lâm bạ Nguyễn Sơn H và thửa đất số 377 nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng không được UBND huyện C chấp nhận, không có tài liệu, chứng cứ khác hỗ trợ cho giá trị của sổ lâm bạ này. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận thửa đất 377 là của ông H và bà M; chấp nhận thửa đất số 377 là di sản thừa kế của cụ Ú và cụ D2 là có căn cứ.

Về tài sản trên đất, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Xét tính hợp pháp của di chúc năm 2007 của cụ Lê Thị D2:

Xét bản di chúc thấy rằng: Di chúc đề tên Lê Thị D2, có người làm chứng là Nguyễn Do C (em ruột chồng), nhưng chưa được công chứng, chứng thực, không đảm bảo điều kiện về hình thức của di chúc theo quy định tại khoản 3 Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005. Ngoài ra, cụ D2 để lại di chúc định đoạt phân chia toàn bộ khối tài sản của hai vợ chồng cụ Ú và cụ D2 là vượt quá phạm vi tài sản của cụ D2 (cụ Ú chết năm 1998 không để lại di chúc, do đó, cụ D2 chỉ có quyền định đoạt $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung và một suất thừa kế được hưởng từ di sản thừa kế do cụ Ú để lại). Ông H không thừa nhận việc có di chúc còn ông E, bà T1 đều yêu cầu chia di sản theo quy định của pháp luật. Do đó, cần chia thừa kế theo pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2.5] Phân chia di sản thừa kế:

Ông E và bà T1 đều có nguyện vọng được nhận một phần đất để sử dụng, đề nghị phân chia phù hợp với thực trạng, không cần thiết phải chia đồng đều với nhau, nhất trí đề nghị Tòa án giao cho ông H phần diện tích ông H đang trồng cây. Do đó, cấp sơ thẩm giao cho ông H tiếp tục sử dụng phần đất 9226,2m² mà ông H đang trồng cây là phù hợp; Giao cho ông Nguyễn Văn E sử

dụng phần đất giáp với thửa đất anh Thái Văn D1, ông Thái Văn L2, trên đất có các tài sản mà vợ chồng anh L1 tạo dựng, đồng ý giao lại cho ông E quản lý, sở hữu; Giao cho bà T1 phần đất ở giữa ông H và ông E; trích một phần đất bao quanh phần mộ theo hiện trạng con đường đất đã có để ông H, ông E và bà T1 cùng sử dụng chung, thực hiện việc thờ cúng đối với cha mẹ là phù hợp.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Ông Nguyễn Sơn H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Sơn H.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Sơn H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Căn cứ Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

3. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn E. Xác định diện tích **19.812,9m²** đất trồng cây lâu năm tại thửa số 377, tờ bản đồ số 09 tại xóm L, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Ú và cụ Lê Thị D2.

3.1 Chia di sản thừa kế là thửa đất số 377 như sau:

- Ôn định phần đất nền mộ của cụ Ú và cụ D2 và mở một lối đi vào nền mộ với tổng diện tích là 197,7 m² ông Nguyễn Sơn H, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị T1 được **quyền sử dụng chung**. Phần diện tích 197,7m² được xác định cụ thể bởi các điểm gồm 15, 16, 17, 19, 20, 21, 22, 23, 24.

- Chia cho ông **Nguyễn Sơn H** được quyền sử dụng diện tích 9226.2 m² đất, được xác định cụ thể bởi các điểm gồm 24, 23, 22, 45, 44, 43, 42, 36, 35, 34, 33, 32, 31, 30, 29, 28.

- Chia cho ông **Nguyễn Văn E** được quyền sử dụng diện tích 6.276,7m², được xác định cụ thể bởi các điểm gồm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 40.

- Chia cho bà **Nguyễn Thị T1** được quyền sử dụng diện tích 4112, 3 m², được xác định cụ thể bởi các điểm gồm: 13, 14, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 45, 44, 43, 42, 36, 37, 38, 40.

Toạ độ các điểm góc đất được xác định cụ thể theo sơ đồ thửa đất kèm theo Bản án.

3.2 Đối với tài sản trên thửa đất 377, các bên tự thoả thuận, thực hiện với nhau không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn E, ông Nguyễn Sơn H, bà Nguyễn Thị T1. Ông Nguyễn Văn E được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 6873 ngày 06/7/2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Sơn H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

5. Về chi phí tố tụng:

Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn E chịu 8.938.379 đồng chi phí thẩm định, định giá đã nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện Can Lộc;
- Chi cục THADS huyện Can Lộc;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Minh Thư

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THÂM

